

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Đường lối CM của Đảng CSVN (200104-19)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.TỜ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH		<i>Đào Lê Tuấn Anh</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BÍCH		<i>Dương Thị Ngọc Bích</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH		<i>Nguyễn Thị Kiều Chinh</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223162	CHU THỊ CHUNG		<i>Chu Thị Chung</i>	1	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CƯỜNG		<i>Hồ Nguyễn Thế Cường</i>	1	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223164	HUỲNH NGUYỄN DUNG		<i>Huỳnh Nguyễn Dung</i>	1	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223165	HUỲNH THỊ MỸ DUNG		<i>Huỳnh Thị Mỹ Dung</i>	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223166	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG		<i>Ngô Thị Phương Dung</i>	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG		<i>Nguyễn Thị Mỹ Dung</i>	1	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG		<i>Nguyễn Thị Xuân Dung</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223169	VÕ NGỌC THÙY DUNG		<i>Võ Ngọc Thùy Dung</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223170	VÕ ĐÌNH ANH DƯƠNG		<i>Võ Đình Anh Dương</i>	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM		<i>Nguyễn Thị Hồng Gắm</i>	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223171	PHẠM NHƯỘC GẮM		<i>Phạm Nhộc Gắm</i>	1	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223172	ĐINH SỸ GIANG		<i>Đinh Sỹ Giang</i>	1	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI		<i>Nguyễn Đình Như Hải</i>	1	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223173	NGUYỄN THANH HẢI		<i>Nguyễn Thanh Hải</i>	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223174	NGUYỄN THỊ HẠNH		<i>Nguyễn Thị Hạnh</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223175	LÊ THỊ LỆ HẰNG		<i>Lê Thị Lệ Húng</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN		<i>Đặng Hiếu Hiền</i>	1	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223177	LÊ THỊ HOA		<i>Lê Thị Hoa</i>	1	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223178	BẢO HÒA		<i>Bảo Hòa</i>	1	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223179	NGUYỄN HỮU HOÀNG		<i>Nguyễn Hữu Hoàng</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG		<i>Nguyễn Thị Thu Hồng</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223181	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ		<i>Nguyễn Thị Bích Huệ</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10223182	PHẠM THỊ KIM HUỆ		<i>Phạm Thị Kim Huệ</i>	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10223183	NGUYỄN THỊ HƯƠNG		<i>Nguyễn Thị Hương</i>	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG		<i>Trần Thị Cẩm Hương</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10223184	TRẦN THỊ KIM LIÊN		<i>Trần Thị Kim Liên</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10223185	ĐOÀN TRỌNG LÍNH		<i>Đoàn Trọng Linh</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10223186	HOÀNG THỊ KIM LUYẾN		<i>Hoàng Thị Kim Luyện</i>	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10223211	VÕ THỊ MƠ		<i>Võ Thị Mơ</i>	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 41 Số tờ: 41 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 09 tháng 10 năm 11

Lê Minh Quang

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00005

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Đường lối CM của Đảng CSVN (200104-19)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09223108	HỒ THỊ	NGA	<i>Quang</i>	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10223107	MAI THỊ THANH	NGA	<i>Thanh</i>	7	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	10223210	ĐẶNG THỊ NHƯ	NGỌC	<i>Như</i>	7	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	10223188	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	<i>Kim</i>	8	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10223109	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	<i>Bích</i>	7	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	10223219	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	<i>Phuong</i>	7	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	10223190	LƯU THỊ	QUYÊN	<i>Quyên</i>	7	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	10223191	VŨ THỊ	QUỲNH	<i>Quỳnh</i>	8	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	10223192	TRỊNH KHÁNH	TÂN	<i>Khánh</i>	6	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI	THANH	<i>Ái</i>	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10223194	HOÀNG VĂN	THÀNH	<i>Văn</i>	7	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	10223195	PHẠM THỊ	THẢO	<i>Thảo</i>	8	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	10223196	NGUYỄN THỊ Ý	THƠ	<i>Ý</i>	8	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10223197	TRẦN THỊ	THƠ	<i>Thị</i>	8	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	10223215	LÊ THỊ	THUẬN	<i>Thị</i>	8	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	10223199	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỦY	<i>Bích</i>	7	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	10223216	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	<i>Thanh</i>	5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10223198	BÙI THỊ MỘNG	THỦY	<i>Mộng</i>	7	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	<i>Kiều</i>	7	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	10223201	PHÙNG THỊ CẨM	TIÊN	<i>Cẩm</i>	6	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	10223202	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	<i>Huyền</i>	7	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	10223203	DƯƠNG BÁ	TUẤN	<i>Bá</i>	8	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	10223204	PHẠM THỊ THANH	TUYẾN	<i>Thanh</i>	8	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	10223205	TRẦN TỔ	UYÊN	<i>Tổ</i>	7	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	10223206	NGUYỄN LÝ HỒNG	VÂN	<i>Hồng</i>	7	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10223207	NGUYỄN THỊ	VÂN	<i>Thị</i>	7	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	10223208	ĐẶNG KIM	YẾN	<i>Kim</i>	8	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	10223209	HUỲNH TRẦN HỒNG	YẾN	<i>Hồng</i>	7	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 41 Số tờ: 41 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 10 năm 11

TS. Lê Minh Quang

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00007

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-12)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH	1	Af	2	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BICH	1	SyBuk	2	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH	2	atic	5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223162	CHU THỊ CHUNG			V	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CƯỜNG			V	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223164	HUỲNH NGUYỄN DUNG			V	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223165	HUỲNH THỊ MỸ DUNG	1	MR	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223166	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG	1	Phu	6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG			V	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG	1	Đan	6	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223169	VÕ NGỌC THÙY DUNG	2	Phu	8	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223170	VÕ ĐÌNH ANH DƯƠNG	2	Phu	8	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM	1	Phu	3	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223171	PHẠM NHƯỘC GẮM			V	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223172	ĐINH SỸ GIANG			V	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI			V	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223173	NGUYỄN THANH HẢI	1	Phu	6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223174	NGUYỄN THỊ HẠNH	2	Phu	8	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223175	LÊ THỊ LỆ HẠNG	2	Phu	8	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN			V	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223177	LÊ THỊ HOA			V	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223178	BẢO HÒA			V	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223179	NGUYỄN HỮU HOÀNG	1	Phu	5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	1	Phu	8	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223181	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ	1	Phu	8	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10223182	PHẠM THỊ KIM HUỆ	2	Phu	6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10223183	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1	Hiang	5	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG	1	Cam	8	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10223184	TRẦN THỊ KIM LIÊN	2	Kim	8	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10223185	ĐOÀN TRỌNG LINH	1	at	8	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10223186	HOÀNG THỊ KIM LUYẾN	1	Phu	4	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10223211	VÕ THỊ MƠ	1	Phu	6	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 41 Số tờ: 54 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 17 tháng 11 năm 11

Phụ trách: Phan Đức Hải

Phụ trách: Lê Minh Quang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-12)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09223108	HỒ THỊ	NGA	2	9	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10223187	MAI THỊ THANH	NGA		✓	2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	10223210	ĐẶNG THỊ NHƯ	NGỌC	1	9	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	10223188	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	2	9	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10223189	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG		✓	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	10223219	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	1	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	10223190	LƯU THỊ	QUYÊN		✓	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	10223191	VŨ THỊ	QUỲNH	1	6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	10223192	TRỊNH KHÁNH	TÂN	1	8	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI	THANH	1	4	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10223194	HOÀNG VĂN	THÀNH		✓	11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	10223195	PHẠM THỊ	THẢO	1	8	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	10223196	NGUYỄN THỊ Ý	THƠ	2	10	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10223197	TRẦN THỊ	THƠ		✓	14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	10223215	LÊ THỊ	THUẬN	1	8	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	10223199	NGUYỄN THỊ BÍCH	THÚY		✓	16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	10223216	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	Thuy	5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10223198	BÙI THỊ MỘNG	THÚY		✓	18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	1	6	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	10223201	PHÙNG THỊ CẨM	TIÊN	1	2	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	10223202	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	1	5	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	10223203	DƯƠNG BÁ	TUÂN	1	6	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	10223204	PHẠM THỊ THANH	TUYẾN	2	6	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	10223205	TRẦN TỔ	UYÊN		✓	24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	10223206	NGUYỄN LÝ HỒNG	VÂN	1	8	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10223207	NGUYỄN THỊ	VÂN		✓	26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	10223208	ĐẶNG KIM	YẾN	2	6	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	10223209	HUỲNH TRẦN HỒNG	YẾN	2	6	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 41 Số tờ: 54 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 11 năm 11

Nguyễn Thị Thanh Bình
Đ. Minh Quang

Hà Thị Thanh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00009

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Anh văn 2** (213602-30)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH		<i>HA</i>	7.0	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BÍCH		<i>syhubs</i>	6.0	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH			✓	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	10223162	CHU THỊ CHUNG			✓	4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CƯỜNG			✓	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	10223164	HUỲNH NGUYỄN DUNG			✓	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	10223165	HUỲNH THỊ MỸ DUNG		<i>MD</i>	7.0	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	10223166	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG		<i>Phu</i>	5.0	8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG			✓	9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG		<i>Đạt</i>	6.0	10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	10223169	VÕ NGỌC THÙY DUNG		<i>Thuy</i>	7.0	11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	10223170	VÕ ĐÌNH ÁNH DƯƠNG		<i>Đh</i>	7.0	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM		<i>Ho</i>	7.0	13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	10223171	PHẠM NHƯỘC GẤM			✓	14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	10223172	ĐÌNH SỸ GIANG			✓	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI			✓	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	10223173	NGUYỄN THANH HẢI		<i>Ha</i>	8.0	17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	10223174	NGUYỄN THỊ HẠNH		<i>Ha</i>	7.0	18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	10223175	LÊ THỊ LỆ HẠNG		<i>Ha</i>	5.0	19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN			✓	20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	10223177	LÊ THỊ HOA			✓	21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	10223178	BÀO HÒA			✓	22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	10223179	NGUYỄN HỮU HOÀNG		<i>Ha</i>	8.0	23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG		<i>Ha</i>	8.0	24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	10223181	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ		<i>Thu</i>	6.0	25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	10223182	PHẠM THỊ KIM HUỆ		<i>Thu</i>	5.0	26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	10223183	NGUYỄN THỊ HƯƠNG		<i>Hiang</i>	7.0	27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG		<i>Ca</i>	6.0	28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	10223184	TRẦN THỊ KIM LIÊN		<i>Kim</i>	7.0	29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	10223185	ĐOÀN TRỌNG LÍNH		<i>Đt</i>	7.0	30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	10223186	HOÀNG THỊ KIM LUYẾN		<i>Ha</i>	7.0	31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32	10223211	VÕ THỊ MƠ		<i>Va</i>	7.0	32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 40 Số tờ: 40

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 19 tháng 11 năm 2020

Lê Thị Thanh Bình

Leele

Canh

Lê Minh Quang

ThS. Tạ Mỹ Nga Phan T. Lan Anh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Anh văn 2** (213602-30)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tở	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09223108	HỒ THỊ	NGA		6.0	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10223187	MAI THỊ THANH	NGA		✓	2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	10223210	ĐẶNG THỊ NHƯ	NGỌC		7.0	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	10223188	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG		7.0	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10223189	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG		✓	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	10223219	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG		5.0	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	10223190	LƯU THỊ	QUYÊN		✓	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	10223191	VŨ THỊ	QUỲNH		6.0	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	10223192	TRỊNH KHÁNH	TÂN		7.0	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI	THANH		7.0	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10223194	HOÀNG VĂN	THÀNH		✓	11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	10223195	PHẠM THỊ	THẢO		8.0	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	10223196	NGUYỄN THỊ Ý	THƠ		8.0	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10223197	TRẦN THỊ	THƠ		✓	14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	10223215	LÊ THỊ	THUẬN		7.0	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	10223199	NGUYỄN THỊ BÍCH	THÚY		✓	16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	10223216	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY		7.0	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10223198	BÙI THỊ MỘNG	THÚY		✓	18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN		8.0	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	10223201	PHÙNG THỊ CẨM	TIÊN		7.0	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	10223202	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG		6.0	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	10223203	DƯƠNG BÁ	TUÂN		7.0	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	10223204	PHẠM THỊ THANH	TUYẾN		6.0	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	10223205	TRẦN TỔ	UYÊN		✓	24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	10223206	NGUYỄN LÝ HỒNG	VÂN		8.0	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10223207	NGUYỄN THỊ	VÂN		✓	26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	10223208	ĐẶNG KIM	YẾN		8.0	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	10223209	HUỲNH TRẦN HỒNG	YẾN		8.0	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 40 Số tờ: 40 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 19 tháng 11 năm 2012

ThS. Gá Mỹ Nga

Phan T. Lan Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00006

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107-20)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH		<i>kt</i>	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BÍCH		<i>syduh</i>	8	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH		<i>atie</i>	8	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223162	CHU THỊ CHUNG		✓		4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CƯỜNG		✓		5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223164	HUỲNH NGUYỄN DUNG		✓		6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223165	HUỲNH THỊ MỸ DUNG		<i>MR</i>	7	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223166	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG		<i>Phu</i>	8	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG		✓		9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG		<i>Như</i>	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223169	VÕ NGỌC THUY DUNG		<i>Thuy</i>	5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223170	VÕ ĐÌNH ÁNH DƯƠNG		<i>th</i>	8	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM		<i>ho</i>	7	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223171	PHẠM NHƯỘC GẮM		✓		14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223172	ĐÌNH SỸ GIANG		✓		15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI		✓		16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223173	NGUYỄN THANH HẢI		<i>Thanh</i>	8	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223174	NGUYỄN THỊ HẠNH		<i>hanh</i>	8	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223175	LÊ THỊ LỆ HẠNG		<i>ha</i>	8	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN		✓		20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223177	LÊ THỊ HOA		✓		21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223178	BẢO HÒA		✓		22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223179	NGUYỄN HỮU HOÀNG		<i>huu</i>	8	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG		<i>th</i>	8	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223181	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ		<i>th</i>	8	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10223182	PHẠM THỊ KIM HUỆ		<i>kim</i>	8	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10223183	NGUYỄN THỊ HƯƠNG		<i>huong</i>	8	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG		<i>ca</i>	8	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10223184	TRẦN THỊ KIM LIÊN		<i>kim</i>	8	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10223185	ĐOÀN TRỌNG LÍNH		<i>at</i>	8	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10223186	HOÀNG THỊ KIM LUYẾN		<i>huong</i>	8	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10223211	VÕ THỊ MƠ		<i>mo</i>	8	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 40 Số tờ: 42 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 11

41

Lê Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107-20)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09223108	HỒ THỊ NGA			8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10223107	MAI THỊ THANH				2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	10223210	ĐẶNG THỊ NHƯ			8	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	10223188	NGUYỄN THỊ KIM			8	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10223189	LÊ THỊ BÍCH				5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	10223219	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG			7	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	10223190	LƯU THỊ QUYÊN				7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	10223191	VŨ THỊ QUỲNH			7	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	10223192	TRỊNH KHÁNH TÂN			8	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI THANH			8	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10223194	HOÀNG VĂN THÀNH				11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	10223195	PHẠM THỊ THẢO			8	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	10223196	NGUYỄN THỊ Ý THƠ			8	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10223197	TRẦN THỊ THƠ				14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	10223215	LÊ THỊ THUẬN			8	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	10223199	NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY				16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	10223216	NGUYỄN THỊ THANH THỦY			8	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10223198	BÙI THỊ MỘNG				18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN			7	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	10223201	PHÙNG THỊ CẨM TIÊN			8	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	10223202	LÊ THỊ HUYỀN TRANG			8	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	10223203	DƯƠNG BÁ TUÂN			8	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	10223204	PHẠM THỊ THANH TUYẾN			8	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	10223205	TRẦN TỔ UYÊN				24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	10223206	NGUYỄN LÝ HỒNG VÂN			8	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10223207	NGUYỄN THỊ VÂN				26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	10223208	ĐẶNG KIM YẾN			7	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	10223209	HUỲNH TRẦN HỒNG YẾN			7	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 4/ Số tờ: 42 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 22 tháng 11 năm 11

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Xã hội học đại cương (202621-12)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH	1	<i>LT</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BICH	1	<i>Ngoc B</i>	8	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH	1	<i>kieu</i>	5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223162	CHU THỊ CHUNG			V	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CƯỜNG			V	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223164	HUỖNH NGUYỄN DUNG			V	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223165	HUỖNH THỊ MỸ DUNG	1	<i>MD</i>	6	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223166	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG	1	<i>Phu</i>	8	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG			vắng	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG	1	<i>Xuan</i>	6	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223169	VÕ NGỌC THUY DUNG	1	<i>Thuy</i>	6	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223170	VÕ ĐÌNH ÁNH DƯƠNG	1	<i>DT</i>	9	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM	1	<i>Hong</i>	6	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223171	PHẠM NHƯỘC GẤM			V	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223172	ĐINH SỸ GIANG			V	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI			V	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223173	NGUYỄN THANH HẢI	1	<i>Thanh</i>	7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223174	NGUYỄN THỊ HẠNH	1	<i>Hanh</i>	9	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223175	LÊ THỊ LỆ HẠNG	1	<i>Lê</i>	7	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN			V	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223177	LÊ THỊ HOA			V	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223178	BẢO HÒA			V	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223179	NGUYỄN HỮU HOÀNG	1	<i>Huu</i>	6	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	1	<i>Thu</i>	8	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223181	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ	1	<i>Bich</i>	6	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10223182	PHẠM THỊ KIM HUỆ	1	<i>Kim</i>	9	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10223183	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1	<i>Huong</i>	7	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG	1	<i>Cam</i>	8	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10223184	TRẦN THỊ KIM LIÊN	1	<i>Kim</i>	7	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10223185	ĐOÀN TRỌNG LÍNH	1	<i>Truong</i>	6	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10223186	HOÀNG THỊ KIM LUYẾN	1	<i>Kim</i>	8	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10223211	VÕ THỊ MƠ	1	<i>Mo</i>	7	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Trần Thị Cẩm Hương

Lê Minh Quang

Th.S. Võ Văn Việt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00008

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Xã hội học đại cương (202621-12)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09223108	HỒ THỊ	1	<i>Thị</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10223187	MAI THỊ THANH				2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	10223210	ĐẶNG THỊ NHƯ	1	<i>Như</i>	9	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	10223188	NGUYỄN THỊ KIM	1	<i>Kim</i>	9	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10223189	LÊ THỊ BÍCH				5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	10223219	NGUYỄN THỊ	1	<i>Thị</i>	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	10223190	LƯU THỊ				7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	10223191	VŨ THỊ	1	<i>Thị</i>	6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	10223192	TRỊNH KHÁNH	1	<i>Khánh</i>	7	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI	1	<i>Ái</i>	6	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10223194	HOÀNG VĂN				11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	10223195	PHẠM THỊ	1	<i>Thị</i>	9	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	10223196	NGUYỄN THỊ Ý	1	<i>Ý</i>	8	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10223197	TRẦN THỊ				14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	10223215	LÊ THỊ	1	<i>Thị</i>	6	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	10223199	NGUYỄN THỊ BÍCH				16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	10223216	NGUYỄN THỊ THANH	1	<i>Thanh</i>	8	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10223198	BÙI THỊ MỘNG				18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU	1	<i>Kiều</i>	7	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	10223201	PHÙNG THỊ CẨM	1	<i>Cẩm</i>	6	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	10223202	LÊ THỊ HUYỀN	1	<i>Huyền</i>	8	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	10223203	DƯƠNG BÁ	1	<i>Bá</i>	7	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	10223204	PHẠM THỊ THANH	1	<i>Thanh</i>	8	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	10223205	TRẦN TỔ				24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	10223206	NGUYỄN LÝ HỒNG	1	<i>Hồng</i>	8	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10223207	NGUYỄN THỊ				26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	10223208	ĐẶNG KIM	1	<i>Kim</i>	6	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	10223209	HUỖNH TRẦN HỒNG	1	<i>Hồng</i>	8	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 41 Số tờ: 41 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 11

Lê Minh Quang

Lê Minh Quang

Vũ Văn Việt